

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/TCDS-ST
Ngày 03/5/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Nguyễn Đức Quyết

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị P, sinh năm 1988, trú tại: Bản PC, xã L, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lường VQ, sinh 1977, trú tại: Bản PC, xã L, huyện ML, tỉnh SL. Đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Trần TT, sinh năm 1985, trú tại: Thôn TB, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người làm chứng:*

Bà Bạc TN, sinh năm 1957, trú tại: Bản Đ, xã C, huyện C, tỉnh SL.

Anh Lò Thái H, sinh 1985, trú tại: Bản Đ, xã C, huyện C, tỉnh SL.

Chị Trần TN, sinh năm 1987, trú tại: Thôn TB, xã TB, huyện ML, tỉnh SL.
Anh Quàng P, sinh 1982, trú tại: Bản PC, xã L, huyện ML, tỉnh SL.
Chị Quàng Thị Kim X, sinh 1995, trú tại: Bản N, xã L, huyện ML, tỉnh SL.
Anh Lò Văn T, sinh 1993, trú tại: Bản PC, xã L, huyện ML, tỉnh SL.
Chị Lương Thị K, sinh 1970, trú tại: Bản N, xã L, huyện ML, tỉnh SL.
Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Quàng Thị P trình bày:

Khoảng tháng 12/2013 chị có quen biết anh Trần TT, trú tại: Thôn TB, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Sau đó hai người yêu nhau, trong thời gian yêu nhau cả hai bên gia đình và bạn bè đều biết. Khi đó do biết gia đình chị được nhà nước đền bù di dân tái định cư thủy điện và chị được chia một phần, anh T nhiều lần đặt vấn đề mượn tiền của chị để mua xe máy, lúc đầu chị chưa cho vay, đến ngày 13/4/2015 anh T gọi điện thúc giục chị, do nghĩ hai người sẽ đi đến hôn nhân, chị đã cho anh T vay số tiền 56.000.000,đồng. Sáng hôm sau chị, anh T và em rể anh T tên là Lò Thái H, sinh 1985, trú tại: Bản Đ, xã C, huyện C, tỉnh SL, đến cửa hàng xe máy Hùng Mạnh ở thành phố SL, tại đây chị đã đưa tiền cho anh T 56.000.000,đồng. Anh T đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu SH mode, sau đăng ký biển kiểm soát 26L1-04843, đứng tên anh T.

Sau đó chị đòi anh T trả số tiền 56.000.000,đồng nhiều lần, chị có nhờ anh Lương VQ và anh Quàng P đi đòi cùng. Qua điện thoại của chị, anh T và chị Nguyên em gái anh T thể hiện các tin nhắn hứa trả tiền cho chị 30.000.000,đồng. Chị còn đang giữ giấy tờ đăng ký xe và 2 chìa khóa xe, do anh T đưa cho, lý do đưa là chị đòi tiền anh T tại nhà thuê của chị ở bản N, xã L, huyện ML, tỉnh SL.

Nguyên đơn chị Quàng Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Trần TT phải thanh toán trả cho chị số tiền vay là 56.000.000, đồng hoặc trả cho chị chiếc xe máy nhãn hiệu SH mode mà anh T đã mua.

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: Các tin nhắn về việc hai bên trao đổi đòi nợ; những người làm chứng biết sự việc.

Bị đơn anh Trần TT trình bày: Anh xác nhận có quan hệ yêu chị P sau đó hai người đã chia tay. Về việc chị P đòi nợ anh số tiền 56.000.000,đồng là không đúng sự thật vì không có giấy tờ gì giữa hai người. Anh T cho rằng sau khi hai người chia tay năm 2016 chị P đòi anh phải trả tiền công như: Giặt giữ quần áo, nấu cơm, nên anh không nhất trí trả. Trong tin nhắn điện thoại của anh và em gái anh là chị Nguyên là việc chị P trước đó nợ tiền làm ăn mua bán vải may quần áo với chị

Nguyên, chị P còn nợ chị Nguyễn khoảng 30.000.000, đồng. Anh nhiều lần nói chuyện để chị P trả nợ cho chị Nguyễn, nhưng chị P nói anh T phải trả tiền cho chị.

Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Trần TT phải thanh toán trả cho chị số tiền vay là 56.000.000, đồng hoặc trả cho chị chiếc xe máy nhãn hiệu SH mode mà anh T đã mua. Bị đơn không nhất trí thanh toán trả số tiền 56.000.000, đồng cho nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định. Về nội dung: Có căn cứ để xác định chị P cho anh T vay số tiền 56.000.000, đồng. Nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Trần TT phải thanh toán trả cho chị Quảng Thị P số tiền vay là 56.000.000, đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ML, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Những người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ do không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Xét về giao dịch vay tiền giữa chị Quảng Thị P với anh Trần TT:

Căn cứ vào lời khai của chị P: Anh T có trao đổi bằng lời vay số tiền 56.000.000, đồng của chị P để mua xe máy. Lời khai của chị P phù hợp với lời khai của các người làm chứng gồm:

Anh Lò Thái H (lúc đó là em rể của anh T) đã cùng anh T, chị P đến của hàng Hùng Mạnh ở thành phố SL để mua xe máy. Tại đây anh H xác định chị P và anh T mở cốp xe của chị P lấy tiền để anh T trả tiền xe, anh H xác định số tiền này của chị P vì lúc đó anh T đi học không có tiền.

Bà Bạc TN (lúc đó là mẹ chồng của chị Nguyễn) khai: Thời điểm năm 2015 bà xuống thành phố SL thăm con trai và con dâu, thấy anh T mới mua xe máy, có hỏi thì chị Nguyễn nói xe của anh T mới mua do chị P bỏ tiền ra mua.

Chị Trần TN (em gái anh T) khai: Chị xác định việc hai vợ chồng chị P có đến nhà đòi nợ anh T. Chị Nguyễn cũng xác định ngày 22/12/2016 bốn tin nhắn qua điện thoại của chị với chị P là hẹn đòi trả tiền anh T nợ chị P, nhưng chị chưa trả cho chị P lần nào.

Việc chị P đòi nợ anh T được thể hiện: Chị P cùng chồng, chị có nhờ anh Quyết, anh Phong ở L, ML đến đòi anh T nhiều lần và các tin nhắn giữa anh T với chị P, chị Nguyễn cũng thể hiện việc đòi nợ và hẹn trả nợ.

Việc chị P hiện đang giữ giấy tờ đăng ký xe và chìa khóa xe xuất phát từ việc chị P đòi nợ anh T có chị Lương Thị K ở bản N, xã L, huyện ML, tỉnh SI (cho chị P thuê nhà bán hàng) biết.

Ngoài ra còn các người làm chứng khác nhưng đều chỉ biết sự việc thông qua việc chị P kể lại có cho anh T vay tiền mua xe máy trong thời gian hai người yêu nhau.

[3] Xét lời khai phản bác của anh Trần TT: Cho rằng chị P đến đòi nợ anh số tiền 56.000.000,đồng là không đúng sự thật vì không có giấy tờ gì giữa hai người và chị P đòi tiền anh là tiền công như giặt giũ quần áo, nấu cơm cho anh. Việc anh T cho rằng giữa hai người không có giấy tờ, căn cứ quy định của khoản 1 Điều 119 của Bộ luật dân sự được xác định thì giao dịch vay tiền giữa chị P và anh T được thể hiện bằng lời nói, do có sự tin tưởng nhau mà cho vay tiền, mặc dù không có giấy tờ gì giữa anh T và chị P về việc vay tiền, nhưng căn cứ vào lời khai của những người làm chứng là chứng cứ được phân tích, đánh giá nêu trên xác định lời khai nại của anh T về việc chị P đòi tiền anh là tiền công như giặt giũ quần áo, nấu cơm cho anh là không có căn cứ chấp nhận.

Việc anh T cho khai rằng số tiền 30.000.000, đồng trong tin nhắn là chị P nợ em gái anh T là chị Nguyễn tiền mua hàng may mặc là không có căn cứ, vì chị Nguyễn xác định tin nhắn ngày 22/12/2016 có bốn tin nhắn qua điện thoại của chị với chị P là hẹn trả tiền anh T nợ chị P, nhưng chị Nguyễn chưa trả cho chị P tiền lần nào.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc anh Trần TT có vay số tiền 56.000.000,đồng của chị Quàng Thị P và anh T đã dùng số tiền này mua chiếc xe máy nhãn hiệu SH mode, sau đăng ký biển kiểm soát 26L1-04843, đứng tên anh T.

[4] Xét về yêu cầu của chị Quàng Thị P:

Yêu cầu anh Trần TT phải trả cho chị chiếc xe máy nhãn hiệu SH mode, đăng ký biển kiểm soát 26L1-04843. Tại phiên tòa anh T không nhất trí yêu cầu này của chị P, nên không có căn cứ chấp nhận.

Yêu cầu anh Trần TT phải trả cho chị số tiền 56.000.000,đồng. Xét do giao dịch vay tiền được xác lập là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, nên căn cứ quy định của Điều 463, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị P, buộc anh Trần TT phải trả khoản tiền vay cho chị Quàng Thị P 56.000.000,đồng.

Anh Trần TT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 119, Điều 463, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Buộc anh Trần TT phải trả khoản tiền vay cho chị Quàng Thị P là 56.000.000,đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Thời hạn trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án”.

2. Về án phí:

Anh Trần TT phải chịu 2.800.000,đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị Quàng Thị P 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004639 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 03/5/2018.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SI;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (6);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Minh T

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh T

